

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNG -ST

Ngày: 25-02-2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Vị thành phần Hội đồng xét xử thẩm phán có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Lê Văn Ký;

2. bà Nguyễn Thị Liên.

Thẩm ký phiên tòa: ông Văn Văn - Thẩm ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Điều kiện Viên kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thị Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 200/2020/TLST-HNG ngày 19 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình”, theo Quyết định của án ra xét xử số 03/2021/Q-XXST-HNG ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các người:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn , sinh năm 1964.

ở tại: Thôn T, xã Hà T, huyện H, tỉnh T, Việt Nam.

2. *Bên bị:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1964.

ở tại: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh T, Việt Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong những năm gần đây ngày 19/11/2020 và trong quá trình ghi ý quy định, nguyên đơn là anh Trần Văn trình bày: Anh và chị Trần Thị N từng chung sống với nhau từ năm 1984 nhưng không thể hòa hợp về mặt tình cảm và sinh hoạt vợ chồng nên từ năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bị tác động quan hệ mại dâm và tính tình vợ chồng không hợp nên thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn nhau. Anh và chị N đã sống ly thân từ năm 2005 cho đến nay, thì gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh ông đề nghị Tòa án ghi ý quy định cho anh ly hôn chị Trần Thị N.

Về con chung: Anh khai, vợ chồng có ba con chung, các cháu tên là Trần Thị Ng, sinh ngày 24/8/1985, cháu Trần Thị H, sinh ngày 14/7/1987 và cháu

T ng Th L, sinh ngày 15/6/1989. Hi n nay c ba cháu Ng, P, L ã thành niên nên anh không yêu c u Tòa án gi i quy t

V tài s n: Anh T ng V n không yêu c u Tòa án gi i quy t.

Toà án ã t ng t h p l , tri u t p ch T ng Th N n Toà án vì t b n khai nh ng ch N không có m t mà không có lý do nên không có b n khai c a ch N.

Ki m sát viên tham gia phiên tòa phát bi u quan i m: Quá trình nh n n kh i ki n, th lý, gi i quy t, quy t nh a v án ra xét x và t i phiên tòa, Th m phán, H i ng xét x và Th ký ã ch p hành úng theo quy nh c a B lu t t t ng dân s . ng s ã c th c hi n các quy n c a mình theo quy nh c a B lu t t t ng dân s . Anh ngh Toà án gi i quy t cho ly hôn v i ch N là phù h p v i quy nh t i i u 56 Lu t hôn nhân và gia ình. ngh H i ng xét x ch p nh n yêu c u c a anh .

NH N NH C A TÒA ÁN:

Sau khi nghiên c u các tài li u, ch ng c ã c xem xét t i phiên tòa, k t qu tranh t ng t i phiên tòa, H i ng xét x nh n nh:

[1]. V t t ng: Ch T ng Th N ã c tri u t p h p l l n th hai n Tòa án tham gia phiên hòa gi i nh ng ch N không có m t mà không có lý do nên Tòa án không t i n hành hoà gi i c v án. Ch N c ng ã c Tòa án tri u t p h p l n l n th hai tham gia phiên tòa nh ng v n không có m t, anh v ng m t t i phiên tòa nh ng ã có n ngh xét x v ng m t, vì v y H i ng xét x quy t nh xét x v ng m t anh và ch N là phù h p v i quy nh t i kho n 2 i u 227, i u 228 c a B lu t t t ng dân s .

[2]. V hôn nhân: Anh T ng V n và ch T ng Th N chung s ng v i nhau t n m 1984, không th c hi n vi c ng ký k t hôn, theo quy nh t i i m a, kho n 3, Ngh quy t s 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 c a Qu c h i, ây thu c tr ng h p quan h v ch ng xác l p tr c ngày 03/01/1987 mà ch a ang ký k t hôn, khi có yêu c u ly hôn, Tòa án th lý, gi i quy t theo quy nh v ly hôn. Quá trình chung s ng, v ch ng hòa thu n, h nh phúc n n m 2005 thì phát sinh mâu thu n. Theo anh , nguyên nhân mâu thu n là do v ch ng b t ng v quan i m s ng nên th ng xuyên cãi c , m ng ch i nhau, anh và ch N ã s ng ly thân t n m 2005 n nay. K t qu xác minh ngày 04/12/2020 có xác nh n c a y ban nhân dân xã H cho th y, quá trình chung s ng anh và ch N x y ra nhi u mâu thu n, d n n v ch ng s ng ly thân. M t th i gian dài v ch ng s ng ly thân và không còn quan tâm n nhau, ch ng t cu c s ng v ch ng gi a anh và ch N ã th t s tr m tr ng, m c ích hôn nhân không t c. Do ó, c n c kho n 1 i u 56 Lu t Hôn nhân và gia ình n m 2014 gi i quy t cho anh c ly hôn v i ch N là phù h p.

[3]. V con chung: Anh T ng V n khai, v ch ng có ba con chung, các cháu tên là T ng Th Ng, sinh ngày 24/8/1985, cháu T ng H ng P, sinh ngày 14/7/1987 và cháu T ng Th L, sinh ngày 15/6/1989. Anh c ng xu t trình cho

Tòa án giám định khai sinh của các cháu Ng, P và L, trong đó xác định các cháu Ng, P, L là con chung của anh và chị N. Mặt khác, cháu Ng, P, L được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên các sắc lệnh nhận các cháu Ng, P, L là con chung của anh và chị N. Hiện các cháu Ng, P, L đã thành niên, anh không yêu cầu Tòa án giám định nên miễn xét.

[4]. Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giám định, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Anh T ng V n phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6; khoản 5, khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh T ng V n và chị T ng Th N.

2. Về án phí: Anh T ng V n phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhúng chuyển vào sổ tạm tính án phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) anh đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0009253 ngày 19/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Anh đã nộp tiền án phí.

3. Về quy định kháng cáo: Anh , chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án có thể chấp hành.

Trên cơ sở bản án của thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì ngay khi thi hành án dân sự, ngay khi thi hành án dân sự có quyền tho thu nợ thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, t ngụy n thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thì khi thi hành án của thi hành theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nội dung:

- Ng s ;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thụ lý vụ việc ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. H I NG XÉT X S TH M
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trình Thanh Hoàng

H I NG XÉT X S TH M
Các H i th m nhân dân Th m phán - Ch t a phiên tòa

Lê V n Ký Nguy n Th Liên Tr nh Thanh H ng